

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05-7-2018

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Nguyễn Thị Hải

+ Ông Nguyễn Văn Cao

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhạn- Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên tòa:
Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 về việc “Kiện xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:14/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Danh N, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp T, xã E, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt (*Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N đăng ký kết hôn vào ngày 20/5/2010 tại UBND xã Y, huyện Z, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hoà hợp, bất đồng trong quan điểm, suy nghĩ và cách sống. Do đó, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay, không ai còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay xác định tình cảm

vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Chị M thừa nhận vợ chồng có 01 con chung Danh Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 10/4/2012 hiện tại đang ở với chị. Sau khi ly hôn chị muốn được nuôi con và không yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị M khai nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Tại đơn xin chọn Tòa án giải quyết đề ngày 06/01/2018; Đơn trình bày và đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 27/5/2018 (*Các đơn nêu trên đều có xác nhận của Công an xã*) của anh Danh N đều thống nhất trình bày:

Thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, con chung, nợ chung và tài sản chung cũng như tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng đều giống như chị M đã trình bày và anh không có ý kiến gì thêm. Sau khi ly hôn anh N đồng ý giao con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và anh không phải chịu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không trình bày gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị M và anh Danh N có đơn chọn Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch giải quyết vụ án ly hôn. Căn cứ các quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 27/5/2018, bị đơn anh Danh N có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án và xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh N

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Danh N đăng ký kết hôn vào ngày 20/5/2010 tại UBND xã, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Do đó, việc kết hôn của các đương sự là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Theo lời khai của các bên đương sự, quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không hoà hợp, bất đồng trong quan điểm trong suy nghĩ và cách sống cho nên đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Hiện tại, đời sống chung của vợ chồng không còn, các bên đương sự không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau cho nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn nhau.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa các đương sự không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không quan tâm, bỏ mặc nhau, đời sống chung của vợ chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mùi xử cho các đương sự được ly hôn nhau là phù hợp với các quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Các bên đương sự đều thừa nhận có 01 con chung Danh Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 10/4/2012 hiện đang ở với chị M và tự nguyện thoả thuận giao con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị M không yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ và cam đoan đủ khả năng nuôi con đến lúc trưởng thành. Xét thấy sự thoả thuận của các đương sự là tự nguyện và không trái đạo đức xã hội nên HĐXX chấp nhận sự thoả thuận của các đương sự về nuôi con chung sau khi ly hôn là phù hợp các quy định tại các Điều 68, 69 71, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 81, 82, 83,84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyen xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Danh N.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Danh Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 10/4/2012 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự về việc anh N không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0002805 ngày 10/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Chị M đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên toà biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án của Tòa án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- UBND xã Thanh Trạch, Bố Trạch, QB;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Trung Thành